

Số: /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước; số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/04/2020 về việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025; số 975/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 phê duyệt Đề án "Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thu thập thông tin, dự báo tình hình tiêu thụ nông sản";

Căn cứ Quyết định số 2151/QĐ-BNN-VP ngày 15/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt kế hoạch chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIX về Chương trình thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 571/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 phê duyệt Đề án chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; số 2721/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 phê duyệt đề cương - dự toán Đề án chuyển đổi số ngành nông nghiệp nông thôn đến năm 2025, định hướng 2030; số 2805/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Đề án "Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn đến năm 2025, định hướng 2030";

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 40/TTr-SNN ngày 22/02/2024 và hồ sơ, dự thảo Đề án kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên với những nội dung chính như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, chú trọng nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế; Phát triển hạ tầng, nền tảng số, công nghệ số, các cơ sở dữ liệu của ngành... nhằm đổi mới công tác quản lý, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của ngành nông nghiệp gắn với chính quyền số, kinh tế số và xã hội số của ngành; Nâng cao giá trị gia tăng, sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường, nâng cao thu nhập cho người dân, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường. Góp phần thực hiện thành công tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2025

a) Phát triển chính quyền số

- Triển khai 100% thủ tục hành chính được cập nhật công khai trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đối với dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 (trong đó, trên 90% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4) được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 100% hoạt động quản lý nhà nước của ngành sử dụng văn bản điện tử có ký số (trừ các văn bản thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 90% hồ sơ công việc của các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% chế báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê phục vụ chỉ đạo, điều hành của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu trên Hệ thống thôn tin báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Trang thông tin điện tử của ngành.

- 100% cơ sở dữ liệu chuyên ngành được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh và với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

b) Kinh tế số

- Thúc đẩy các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, tài trợ, tăng cường nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ số, phát triển nền tảng số, hoạt động dữ liệu số, tạo ra các dịch vụ nội dung số về nông nghiệp và phát triển nông thôn phục vụ xã hội, phát triển nền kinh tế số. Phân đấu tỷ trọng kinh tế số trong

ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đạt tối thiểu 10%; năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%.

- Ứng dụng công nghệ viễn thám trong sản xuất nông nghiệp (thống kê diện tích, giám sát và dự báo hạn hán,...); xây dựng phần mềm quản lý, điều tiết, thông tin nguồn nước và bản đồ số về dự báo hạn hán trên địa bàn tỉnh; Nâng cấp, mở rộng ứng dụng Chương trình OCOP (<http://ocophungyen.vn>) trong đó bổ sung tính năng tiếp nhận hồ sơ đăng ký và đánh giá sản phẩm OCOP; nâng cấp, mở rộng phần mềm quản lý, trình diễn Atlast điện tử.

- Hỗ trợ một số mô hình chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

c) Nông dân số, nông thôn số

- Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất hàng hóa được tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ các nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất nông nghiệp và bảo đảm an toàn thông tin. Tập huấn cho ít nhất 1.000 lượt hộ sản xuất nông nghiệp quy mô sản xuất nông sản hàng hóa về kỹ năng số (ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương mại...).

- Hỗ trợ xây dựng một số mô hình nông thôn, nông dân số kiểu mẫu.

2. Đến năm 2030

Tiếp tục duy trì bền vững các mục tiêu đã đạt được đến năm 2025 và phấn đấu đạt các mục tiêu:

a) Chính quyền số

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 100% hồ sơ công việc của các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được xử lý trong môi trường mạng (trừ các văn bản thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Hình thành nền tảng dữ liệu và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với các cơ quan nhà nước.

- Thiết kế lại trang thông tin điện tử của Sở, đồng bộ với dữ liệu của các trang thông tin điện tử các đơn vị trực thuộc, được sắp xếp theo các lĩnh vực quản lý như: Giải quyết thủ tục hành chính; trồng trọt; chăn nuôi; thủy sản; Lâm nghiệp; thủy lợi và phòng chống thiên tai; nông thôn mới; quản lý chất lượng nông lâm thủy sản.

b) Kinh tế số

- Hỗ trợ các mô hình chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Phân đầu tỷ trọng kinh tế số trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đạt tối thiểu 20%; năng suất lao động hàng năm tăng tốt thiểu 7,5%.

c) Nông thôn số, nông dân số

- Tiếp tục thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng về công nghệ số, chuyển đổi số phù hợp cho ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cho các đối tượng khác nhau.

- Tiếp tục hỗ trợ xây dựng được một số mô hình nông thôn, nông dân số kiểu mẫu.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung, quan điểm của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước để nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn và người nông dân về Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số nói chung và chuyển đổi số nông nghiệp, nông thôn nói riêng.

- Thường xuyên phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan, các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tổ chức tập huấn, hướng dẫn và đào tạo kiến thức, kỹ năng cho người nông dân, hướng dẫn người nông dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn thông qua các hoạt động xã hội hóa.

- Xây dựng chuyên mục, phóng sự, tin bài về chuyển đổi số nông nghiệp và phát triển nông thôn trên Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên, Báo Hưng Yên, cổng thông tin giao tiếp điện tử của ngành nhằm chuyển đổi nhận thức, đẩy mạnh sự tham gia của cán bộ, người dân và doanh nghiệp về chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Tuyên truyền, tập huấn, phổ biến, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp và người sản xuất về chuyển đổi số; phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.

2. Giải pháp về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

2.1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức ngành nông nghiệp, nông thôn

- Xây dựng khung chương trình và chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về kỹ năng số cho cán bộ, viên chức, công chức, người lao động ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, phổ cập thường xuyên cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành nông nghiệp và phát triển

nông thôn về kiến thức, kỹ năng liên quan đến ứng dụng nền tảng số và an toàn an ninh thông tin mạng.

- Kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản trị và hỗ trợ chuyển đổi số, triển khai chính quyền điện tử tại các cơ quan đơn vị.

2.2. Đối với người nông dân và tổ chức kinh tế nông nghiệp

Thường xuyên phối hợp với đơn vị liên quan, cơ quan nghiên cứu và phát triển công nghệ nông nghiệp; doanh nghiệp công nghệ thông tin; chuyên gia chuyển đổi số nông nghiệp... để tổ chức tập huấn, hướng dẫn và đào tạo kỹ năng số cho người nông dân và doanh nghiệp nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Giải pháp khoa học, công nghệ

- Đầu tư, nâng cấp đồng bộ trang thiết bị hệ thống máy tính, mạng LAN, mạng Internet kết nối các cơ quan, đơn vị trong toàn ngành, đảm bảo việc truyền, nhận dữ liệu được thông suốt.

- Nghiên cứu chuẩn hóa cấu trúc cơ sở dữ liệu dùng chung và cơ sở dữ liệu chuyên ngành có thể tích hợp, chia sẻ giữa các hệ thống thông tin của các đơn vị trong ngành và các cấp chính quyền.

- Nghiên cứu, phát triển các ứng dụng công nghệ mới tại các cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu, xây dựng nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản có sử dụng công nghệ chuỗi khối (blockchain).

- Ưu tiên sử dụng các sản phẩm, giải pháp, công nghệ phục vụ chuyển đổi số nông nghiệp, nông thôn được thiết kế, sản xuất bởi các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam trong các hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu, thử nghiệm, chuyển giao, áp dụng các mô hình, giải pháp nông nghiệp số phù hợp với điều kiện của tỉnh Hưng Yên.

4. Phát triển thị trường tiêu thụ, hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi số trong nông nghiệp và logistics

- Phát triển hạ tầng thương mại (chợ đầu mối, trung tâm cung ứng nông sản, siêu thị, hệ thống bán buôn, bán lẻ...) và hệ thống logistic kết nối giữa người sản xuất với nhà phân phối; đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động phân phối sản phẩm nông nghiệp; phát triển trung tâm trung bày, giới thiệu sản phẩm nông sản chế biến đặc sản mang tầm khu vực.

- Đẩy mạnh hợp tác với các tỉnh thành trong cả nước ở quy mô vùng; tạo điều kiện lưu thông hàng hóa theo chuỗi giá trị để nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

- Tiếp tục hỗ trợ đưa sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử trong và ngoài nước. Xây dựng thương hiệu của các sản phẩm nông nghiệp ứng

dụng công nghệ cao của tỉnh; đáp ứng các yêu cầu để kinh doanh online (bán hàng qua sàn thương mại điện tử như: Postmart, Sendo, Shopee, eGap...).

- Tham gia các hội chợ, triển lãm quốc tế trong và ngoài nước để giới thiệu sản phẩm nông sản, thủy sản.

- Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường trong nước và trên thế giới về thị phần, thị hiếu, giá cả, các tiêu chuẩn sản phẩm để xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển thị trường cho các sản phẩm nông sản.

- Hỗ trợ người nông dân tiêu thụ nông sản, góp phần giải quyết vấn đề được mùa mất giá.

5. Phát triển các mô hình kết hợp giữa cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Huy động sự tham gia của cộng đồng, cho phép các tổ chức, doanh nghiệp cùng khai thác các hệ thống công nghệ thông tin, nền tảng và cơ sở dữ liệu của ngành theo quy định.

- Nghiên cứu, xây dựng chính sách khuyến khích doanh nghiệp, người dân tích cực tham gia, thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, đảm bảo quyền lợi của người dân, doanh nghiệp theo đúng quy định; tạo điều kiện để các doanh nghiệp nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có điều kiện vươn ra thị trường trong nước, thế giới.

- Có cơ chế khen thưởng kịp thời doanh nghiệp, người dân có đóng góp tích cực trong thực hiện chuyển đổi số, tạo việc làm, đóng thuế đúng và đầy đủ, góp phần thực hiện công tác an sinh xã hội.

6. Giải pháp về vốn và nguồn vốn thực hiện Đề án

6.1. Giai đoạn 2023-2025

Giai đoạn 2023-2025, tổng kinh phí thực hiện Đề án (theo Báo cáo thẩm định số 404/BC-STC ngày 04/12/2023 của Sở Tài chính) là 6.550 triệu đồng. Trong đó: Năm 2024 bố trí 3.400 triệu đồng từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

6.2. Giai đoạn 2026-2030

Từ năm 2026, căn cứ khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án và đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định bố trí kinh phí thực hiện.

III. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN

1. Giai đoạn 2023-2025

- Ứng dụng công nghệ viễn thám trong sản xuất nông nghiệp (thống kê diện tích, giám sát và dự báo hạn hán,...).

- Xây dựng phần mềm quản lý, điều tiết, thông tin nguồn nước và bản đồ số về dự báo hạn hán trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cấp, mở rộng ứng dụng Chương trình OCOP (<http://ocophungyen.vn>) trong đó bổ sung tính năng tiếp nhận hồ sơ đăng ký và đánh giá sản phẩm OCOP.

- Nâng cấp, mở rộng phần mềm quản lý, trình diễn Atlas điện tử.

- Tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ hợp tác xã, doanh nghiệp, nông dân.

- Hỗ trợ một số mô hình chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2. Giai đoạn 2026-2030

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành, của tỉnh, của Đề án để tiếp tục đề xuất nội dung, kinh phí thực hiện giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Là cơ quan thường trực, làm đầu mối giúp UBND tỉnh trong công tác chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án.

- Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn thuộc Sở tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nông dân; xây dựng các mô hình sản xuất điểm về nông nghiệp ứng dụng công nghệ do tỉnh chủ trì thực hiện, đánh giá hiệu quả và đề xuất triển khai nhân rộng phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh.

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp để đảm bảo mục tiêu Đề án.

- Phối hợp các Sở, ngành địa phương đẩy mạnh xúc tiến thương mại, liên kết các doanh nghiệp tiêu thụ nông sản, đặc biệt là sản phẩm của nông nghiệp chuyển đổi số; tham gia hội chợ giới thiệu sản phẩm nông sản, thực phẩm ở trong tỉnh, trong nước và nước ngoài.

- Phối hợp với Sở Tài chính trình UBND tỉnh quyết định giao kế hoạch ngân sách hằng năm cho các địa phương, đơn vị để triển khai các nhiệm vụ tại Đề án. Lồng ghép các chương trình dự án về nông nghiệp, phát triển nông thôn, vận dụng tối đa các nguồn lực phối hợp thực hiện.

- Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định các cơ chế tài chính ưu đãi (nếu có) đối với các dự án sản xuất nông nghiệp thực hiện chuyển đổi số do các đơn vị liên quan đề xuất để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các cơ quan đơn vị triển khai các nhiệm vụ tại Đề án; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tình hình, kết quả thực hiện.

2. Sở Tài chính

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Đề án.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc sử dụng kinh phí thực hiện Đề án theo quy định pháp luật hiện hành.

- Thẩm định các cơ chế tài chính ưu đãi (nếu có) đối với các dự án sản xuất nông nghiệp thực hiện chuyển đổi số do các đơn vị liên quan đề xuất để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc xây dựng hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu chuyên ngành cung cấp thông tin để các tổ chức, cá nhân có thông tin áp dụng trong sản xuất, trao đổi, thương mại; hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số.

- Hướng dẫn, khuyến khích các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh chủ động phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Đề án.

4. Các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì nhiệm vụ tại Đề án để triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, hiệu quả.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- P. KT2^{Tuấn NN};
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Duy Hưng

PHỤ LỤC**Kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2023-2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	
		Năm 2024	Năm 2025
1	Ứng dụng công nghệ viễn thám trong sản xuất nông nghiệp (thống kê diện tích, giám sát và dự báo hạn hán,...)	150	150
2	Xây dựng phần mềm quản lý, điều tiết, thông tin nguồn nước và bản đồ số về dự báo hạn hán trên địa bàn tỉnh	0	2.800
3	Nâng cấp, mở rộng chương trình Ocop (http://ocophungyen.vn) trong đó bổ sung tính năng tiếp nhận hồ sơ đăng ký và đánh giá sản phẩm Ocop	1.700	0
4	Nâng cấp, mở rộng phần mềm quản lý trình diễn Atlas điện tử	1.500	0
5	Đào tạo, tập huấn kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ Hợp tác xã, doanh nghiệp, nông dân	50	200
	Tổng cộng	3.400	3.150